

Bản án số: **130/2020/DS - PT**

Ngày: 22-6-2020

*V/v: “Tranh chấp chia thừa kế tài sản,
yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất và tháo dỡ tài sản trên
thửa đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Long

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Thi

Ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc: *“Tranh chấp chia thừa kế tài sản, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tháo dỡ tài sản trên thửa đất”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 871/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị T - sinh năm 1954. Địa chỉ cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Ngọc N -sinh năm 1965. Địa chỉ cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, (theo văn bản ủy quyền đề ngày 15/10/2019, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi chứng thực vào ngày 21/10/2019). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức N, luật sư Văn phòng luật sư C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

*** Bị đơn:**

1. Cụ Lê Thị N - sinh năm 1942. Vắng mặt.
2. Bà Ngô Thị Như H - sinh năm 1981. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ cư trú: Thôn X, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cụ Lê Thị N, bà Ngô Thị Như H: Ông Nguyễn Bá N - sinh năm 1958. Địa chỉ cư trú: tỉnh Quảng Ngãi, (theo văn bản ủy quyền ngày 30/5/2019). Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:** Ông Ngô Ngọc N - sinh năm 1965. Địa chỉ cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ trụ sở: Số 395 đường Phạm Văn Đồng, thị trấn Châu Ổ, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Cụ Lê Thị L - sinh năm 1940. Địa chỉ thường trú: tỉnh Hưng Yên.
Vắng mặt.

3. Ông Ngô Văn T - sinh năm 1950.
4. Ông Ngô Tấn T1 - sinh năm 1950.
5. Ông Ngô Văn S - sinh năm 1954.

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn T, ông Ngô Tấn T1, ông Ngô Văn S: Ông Ngô Ngọc N - sinh năm 1965. Địa chỉ cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, (theo văn bản ủy quyền đề ngày 15/10/2019, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi chứng thực vào ngày 21/10/2019). Có mặt.

6. Ông Huỳnh Trọng B - sinh năm 1964 và bà Trần Thị S - sinh năm 1970. Địa chỉ cư trú: tỉnh Quảng Ngãi. Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Ông Phạm Đình T2 - sinh năm 1969 và bà Lương Thị Thu T, sinh năm 1972. Địa chỉ hộ khẩu thường trú: tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ cư trú: Thôn X, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Ngô Thị T; người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Ngô Ngọc N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Tấn T1, ông Ngô Văn S, ông Ngô Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn (ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Ngô Ngọc N) trình bày:

Cha ruột bà Ngô Thị T là cụ Ngô Tấn PT (chết năm 1997) có 03 người vợ là cụ Mai Thị L (chết năm 1954), cụ Châu Thị S (chết năm 2000) và cụ Lê Thị N. Cụ L có 01 người con là ông Ngô Tài T (chết năm 1967, không có vợ, con); cụ S có 02 người con là bà Ngô Thị B (chết năm 1971, không có chồng con) và bà Ngô Thị T; cụ Lê Thị N có 01 người con là Ngô Thị Như H. Ngoài ra, cụ PT có một người con riêng với cụ Lê Thị L, tên là Ngô Ngọc N. Sau khi cụ PT ra Bắc tập kết, thì trong Nam cụ S có gia đình khác.

Năm 1976, cụ PT tạo lập được khối tài sản riêng là ngôi nhà cấp 2 (02 căn) gắn liền với thửa đất số 1054, diện tích 620 m², tờ bản đồ số 7, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Trước khi qua đời, ngày 08/8/1994 cụ PT lập di chúc để lại toàn bộ nhà, đất dùng vào việc thờ cúng cụ PT và 02 liệt sỹ con của cụ PT. Người được chỉ định quản lý, sử dụng nhà đất để ở và thờ cúng là cụ N và con gái là Ngô Thị Như H; khi cụ N và bà H qua đời thì ông Ngô Tấn T1 được giao quản lý, sử dụng nhà đất để tiếp tục thực hiện việc thờ cúng. Nhưng sau khi quản lý, sử dụng nhà đất thì cụ N đã tự ý kê khai quyền sử dụng đất và đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/12/1997. Đến năm 2007, cụ N và bà H chuyển nhượng trái phép một căn nhà (nhà trên) và 360 m² đất cho vợ chồng ông B, bà S lấy tiền sử dụng vào mục đích cá nhân. Việc làm trái pháp luật của cụ N và bà H đã bị ông T1 khởi kiện và đã được Tòa án có thẩm quyền xét xử, tuyên hợp đồng mua bán, chuyển nhượng nhà đất vô hiệu; buộc vợ chồng ông Huỳnh Trọng B, bà Trần Thị S trả lại nhà đất cho cụ N quản lý, sử dụng theo di chúc lập ngày 08/8/1994 của cụ PT. Nhưng sau đó cụ N và bà H không lấy lại nhà đất theo bản án đã tuyên mà vẫn để cho vợ chồng ông B, bà S quản lý, sử dụng. Đến năm 2018, ông B, bà S không ở nữa thì vợ chồng ông Phạm Đình T2, bà Lương Thị Thu T đến ở và đã phá dỡ toàn bộ ngôi nhà thờ, xây dựng 02 căn nhà kiên cố trên diện tích đất mà trước đây cụ N và bà H chuyển nhượng cho vợ chồng ông B, bà S. Ngoài những việc làm sai trái vừa nêu, năm 2018, cụ N đã phá dỡ căn nhà còn lại (nhà dưới) và tự ý nhận, sử dụng số tiền 474.809.725 đồng của Nhà nước bồi thường, hỗ trợ do thu hồi 157 m² đất xây dựng lại nhà kiên cố.

Xét thấy trong thời gian quản lý di sản, cụ N và bà H đã tẩu tán và phá bỏ di sản dùng vào việc thờ cúng, không thực hiện ý chí, nguyện vọng của cụ PT theo di chúc ngày 08/8/1994, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp cho hộ bà Lê Thị N, tại thửa đất số 1054, diện tích 620 m², tờ bản đồ số 7, xã B, sổ vào sổ 00886 QSDĐ/668/QĐUB/HI ngày 25/12/1997.

- Buộc vợ chồng ông Phạm Đình T2, bà Lương Thị Thu T tháo dỡ 02 căn nhà xây dựng trái phép trên diện tích 360 m² tại thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chia thừa kế theo quy định pháp luật toàn bộ di sản của cụ Ngô Tấn PT là 463 m² (620 m² - 157 m²) tại thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7, xã B, huyện B và 474.809.725 đồng cho những người thừa kế theo pháp luật là Ngô Thị T, Ngô Ngọc N, Lê Thị N và Ngô Thị Như H, mỗi người với diện tích 115,75 m² đất và 118.702.431 đồng.

Tại các văn bản trình bày ý kiến, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn cụ Lê Thị N và bà Ngô Thị Như H (ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Bá Nhật) trình bày:

Việc bà Ngô Thị T yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp cho cụ Lê Thị N thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7, xã B, vào sổ 00886 QSDĐ/668/QĐUB/HI ngày 25/12/1997, là không có căn cứ. Vì thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7, xã B nguyên là của vợ chồng cụ Ngô Tấn PT và cụ Lê Thị N. Sau khi cụ PT chết ngày 30/5/1997, thực hiện di chúc của cụ PT là giao cho cụ N trực tiếp ở để nuôi con gái là Ngô Thị Như H và phụng thờ cụ PT cho đến khi cụ N qua đời, hết đời cụ N thì đến bà H tiếp tục cũng được ở ngôi nhà để hương khói thờ cha mẹ mãi cho đến khi qua đời. Do vậy, ngày 25/12/1997, Ủy ban nhân dân huyện B làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ N thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7, xã B là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật. Chính tại Bản án số 04/2009/DS-PT ngày 14/01/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã nhận định “Việc ông T1, chị T và anh N yêu cầu Tòa án thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao lại toàn bộ ngôi nhà cấp 4 và diện tích đất vườn 620 m² cho ông T1 quản lý, sử dụng để thờ cúng ông PT và các con ông PT là không thể chấp nhận được”. Trong quá trình sử dụng, mẹ con bà H thực hiện đúng di chúc của cụ PT là quản lý, sử dụng ngôi nhà mà cụ PT để lại trên thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7, xã B là để thờ phụng cụ PT. Mặt khác, mẹ con cụ N, bà H sử dụng thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7 xã B không sai mục đích sử dụng đất nên không

có căn cứ để Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7, xã B.

Cụ N và bà H chỉ chấp nhận Ủy ban nhân dân huyện B thu hồi diện tích 157 m² để xây dựng Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1, Đoạn qua xã B trúng đất vườn của cụ N. Tiền bồi thường về đất, cụ N nhận để xây dựng nhà để thờ cụ PT và một phòng cho thuê trên phần đất còn lại 463 m² của thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7, xã B, chứ không phải cụ N không làm nhà để thờ cụ PT hoặc chuyển nhà thờ đi nơi khác, không nằm trên diện tích đất của thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7, xã B. Việc làm của cụ N, bà H là hoàn toàn phù hợp với đạo lý, đúng theo di chúc của cụ PT và đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn khẳng định ông Phạm Đình T2, bà Lương Thị Thu T không có xây dựng 02 căn nhà trái phép trên diện tích 360 m² tại thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7, xã B, mà 02 ngôi nhà đó là do cụ N thuê thợ xây dựng, có trái phép hay không là do Ủy ban nhân dân huyện B xử lý chứ không phải chờ bà T yêu cầu Tòa án giải quyết.

Di sản để lại thừa kế là ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7, xã B, theo di chúc của cụ PT là giao cho cụ N trực tiếp ở, khi mở rộng Quốc lộ 1, Nhà nước bồi thường số tiền 474.809.725 đồng, cụ N đã sử dụng vào việc xây dựng ngôi nhà khác để lo thờ phụng cụ PT. Di sản của cụ PT chỉ khi nào cụ N chết, bà H rồi ông T1 không đồng ý tiếp nhận ngôi nhà để lo hương khói cho cụ PT và đồng ý chia thừa kế theo pháp luật thì mới được chia. Trên diện tích đất 463 m² còn lại của thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7, xã B, cụ N xây dựng 02 căn nhà; 01 căn cụ N đang ở, thờ phụng cụ PT còn cho ông T2, bà T thuê 01 căn, việc cho thuê không làm ảnh hưởng đến việc thờ cúng cụ PT. Do vậy việc bà T yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất 463 m² trên có ngôi nhà đang thờ phụng cụ PT và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật số tiền 474.809.725 đồng, bị đơn không chấp nhận.

Vì vậy, bị đơn đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T và yêu cầu độc lập của ông Ngô Ngọc N.

Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Ngô Ngọc N trình bày:

Ông Ngô Ngọc N là con ruột cụ Ngô Tấn PT (chết năm 1997) và cụ Lê Thị L, nhưng việc cụ PT, cụ L sinh ra ông N là xuất phát từ quan hệ tình cảm với nhau, không phải quan hệ hôn nhân vợ chồng, nên mẹ ông N không được thừa kế di sản của cụ PT.

Về hàng thừa kế theo pháp luật và di sản thừa kế mà cụ PT để lại, ông N

thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn bà Ngô Thị T.

Ông N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp cho hộ bà Lê Thị N, tại thửa đất số 1054, diện tích 620 m², tờ bản đồ số 7, xã B, số vào sổ 00886 QSDĐ/668/QĐUB/HI ngày 25/12/1997.

- Buộc vợ chồng ông Phạm Đình T2, bà Lương Thị Thu T tháo dỡ 02 căn nhà xây dựng trái phép trên diện tích 360 m² tại thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chia thừa kế theo quy định pháp luật toàn bộ di sản của cụ Ngô Tấn PT là 463 m² (620 m²- 157 m²) tại thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7, xã B, huyện B và 474.809.725 đồng cho những người thừa kế theo pháp luật là Ngô Thị T, Ngô Ngọc N, Lê Thị N và Ngô Thị Như H, mỗi người với diện tích 115,75 m² đất và 118.702.431 đồng.

Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 03/6/2019 và đơn xin rút ý kiến trả lời về việc thụ lý vụ án đề ngày 24/7/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Lê Thị L trình bày:

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 03/6/2019, cụ Lê Thị L xác định cụ là vợ của cụ Ngô Tấn PT (chết năm 1997) và giữa 02 cụ có một người con chung là ông Ngô Ngọc N, nên cụ L đã yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế di sản của cụ PT cho cụ L, đồng thời cụ L cũng tự nguyện giao cho con trai là Ngô Ngọc N được quyền sở hữu, sử dụng đối với kỷ phần thừa kế của cụ L được nhận.

Tại đơn xin rút ý kiến trả lời về việc thụ lý vụ án đề ngày 24/7/2019, cụ L xác định: Việc cụ L với cụ PT có con chung là ông Ngô Ngọc N, là do quan hệ tình cảm với nhau, không phải từ quan hệ vợ chồng. Vì vậy, cụ L xin rút yêu cầu chia, nhận thừa kế di sản của cụ PT là quyền sử dụng 92,6 m² đất và số tiền 94.961.945 đồng mà cụ L đã trình bày tại văn bản ý kiến ngày 03/6/2019.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi trình bày:

Về trình tự hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Lê Thị N thuộc thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 07, xã B, do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 25/12/1997, hiện nay Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện B không còn lưu trữ hồ sơ cấp giấy.

Về nguồn gốc thửa đất là do cụ Ngô Tấn PT (chết) chồng cụ Lê Thị N mua từ trước năm 1980.

Việc ông Ngô Tấn T1 yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ cụ Lê Thị N thuộc thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 07, xã

B do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 25/12/1997 là không có cơ sở.

Ủy ban nhân dân huyện B có ý kiến nêu trên để Tòa án nghiên cứu, xem xét.

Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 02/7/2019 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn T, ông Ngô Tấn T1, ông Ngô Văn S (ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Ngô Ngọc N) trình bày:

Ông Ngô Văn T, ông Ngô Tấn T1, ông Ngô Văn S là cháu ruột của cụ Ngô Tấn PT (chết năm 1997). Di chúc của cụ PT lập ngày 08/8/1994 có nội dung như sau: Giao ngôi nhà cấp 4 (02 căn) gắn liền với thửa đất số 1054, diện tích 620 m², tờ bản đồ số 7, xã B cho cụ Lê Thị N và con gái Ngô Thị Như H quản lý, sử dụng để thực hiện việc thờ cúng cụ PT và 02 người con liệt sỹ của cụ PT; khi con gái Ngô Thị Như H qua đời thì giao cho Ngô Tấn T1 quản lý, hương khói, phụng thờ; nếu sau này ngôi nhà đụng đến quy hoạch của Nhà nước, ở không được hoặc Nhà nước bồi thường thì phải bàn bạc với ông T, ông T1, ông S, bà Ngô Thị T đi đến thống nhất, thiếu số phải phục tùng đa số.

Nhưng từ khi quản lý, sử dụng nhà, đất (năm 1997) đến nay, cụ Lê Thị N và bà Ngô Thị Như H không thực hiện di nguyện của cụ PT, như cất ngôi nhà trên và 360 m² đất chuyển nhượng cho vợ chồng ông Huỳnh Trọng B, bà Trần Thị S vào năm 2007; mặc dù Tòa án có thẩm quyền xét xử, tuyên hủy việc chuyển nhượng nhà, đất trái phép, đồng thời buộc ông B, bà S giao trả lại nhà đất cho cụ N quản lý để thờ cúng, nhưng cụ N vẫn tiếp tục để cho ông B, bà S ở cho đến năm 2017. Đến năm 2018, cụ N để cho vợ chồng ông Phạm Đình T2, bà Lương Thị Thu T phá dỡ căn nhà thờ, xây dựng trái phép 02 căn nhà trên đất; cũng trong năm 2018, cụ N phá dỡ căn nhà còn lại và tự ý sử dụng khoản tiền Nhà nước bồi thường, hỗ trợ do thu hồi 157 m² đất (474.809.725 đồng) xây dựng nhà kiên cố trên phần đất còn lại. Những việc làm sai trái của mẹ con cụ N không những vi phạm nghĩa vụ của người quản lý di sản thờ cúng, mà còn tiêu hủy (nhà) và tẩu tán tài sản (đất) thờ cúng. Do di sản dùng vào việc thờ cúng không thực hiện được nên việc bà T (con gái cụ PT) khởi kiện để chia thừa kế di sản của cụ PT theo pháp luật là đúng đắn. Ông T, ông T1, ông S thống nhất với việc khởi kiện của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Trọng B, bà Trần Thị S trình bày:

Ông Huỳnh Trọng B, bà Trần Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ N, bà H năm 2007 với vợ chồng ông bà vô hiệu. Vợ chồng ông bà không yêu cầu cụ Lê Thị N, bà

Ngô Thị Như H hoàn trả lại khoản tiền mà trước đây vợ chồng ông B, bà S mua đất của mẹ con cụ N. Việc này để vợ chồng ông B, bà S và mẹ con cụ N tự giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đình T2, bà Lương Thị Thu T trình bày:

Vào năm 2007, vợ chồng ông Phạm Đình T2, bà Lương Thị Thu T có thuê căn nhà và đất của cụ Lê Thị N và con gái là Ngô Thị Như H, hiện tại ở thôn X, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, để kinh doanh buôn bán, hàng tháng, vợ chồng ông T2, bà T có trả tiền thuê nhà cho mẹ con cụ N là 500.000 đồng. Đến năm 2018, ngôi nhà bị giải tỏa thực hiện dự án mở rộng quốc lộ 1A, mẹ con cụ N làm lại ngôi nhà mới và cho thuê 01 gian. Việc bà T, ông T, ông S, ông T1 tranh chấp đất, nhà với cụ N, bà H là vấn đề giữa 02 bên, vợ chồng ông T2, bà T không liên quan. Khi nào cụ N không cho thuê nữa thì vợ chồng ông T2, bà T trả. Vợ chồng ông T2, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền thuê nhà trong trường hợp lấy nhà để chia thừa kế theo yêu cầu của bà T, ông N.

Với các nội dung trên,

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 92, khoản 2 Điều 147, các Điều 157, 165, 201, 238, 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 650, 651, 652, 653, 655, 656, 660, 670, 673 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 25 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; các Điều 12, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T;
- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Ngô Ngọc N;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T và toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Ngô Ngọc N về việc:

- Yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Ngô Tấn PT là quyền sử dụng thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cho các đồng thừa kế của cụ PT; cụ thể bà Ngô Thị T, ông Ngô Ngọc N mỗi người được nhận 115.75 m² đất và 118.702.431 đồng.

- Buộc vợ chồng ông Phạm Đình T2, bà Lương Thị Thu T phải dỡ 02 căn nhà xây dựng trái phép trên diện tích 360 m² tại thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7,

xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành L 485487, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00886 QSDĐ/668/QĐUB(H) ngày 25/12/1997 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ bà Lê Thị N tại thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định,

- Ngày 16 tháng 12 năm 2019, bà Ngô Thị T, ông Ngô Ngọc N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T, ông Ngô Ngọc N; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành L 485487 của Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp cho hộ bà Lê Thị N; buộc ông Phạm Đình T2, bà Lương Thị Thu T phải tháo dỡ 02 căn nhà xây dựng trái phép trên diện tích 360 m² tại thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; chia di sản thừa kế của cụ Ngô Tấn PT là quyền sử dụng thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cho những người thừa kế theo pháp luật là bà Ngô Thị T, ông Ngô Ngọc N, cụ Lê Thị N và bà Ngô Thị Như H.

- Ngày 16 tháng 12 năm 2019, ông Ngô Tấn T1, ông Ngô Văn S, ông Ngô Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T và ông Ngô Ngọc N để quyền và lợi ích hợp pháp của họ không bị xâm phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Ngô Tấn PT, thấy:

[1.1]. Cụ Ngô Tấn PT (chết năm 1997) có vợ là cụ Mai Thị L (chết năm 1954) hai cụ có con chung là ông Ngô Tài T (chết năm 1967 không có vợ con). Cụ PT kết hôn với cụ Châu Thị S - (chết năm 2000) sinh ra bà Ngô Thị T và bà Ngô Thị B (chết năm 1971, không có chồng con). Khi cụ PT tập kết ra Bắc có quan hệ với cụ Lê Thị L, có con là ông Ngô Ngọc N. Năm 1980, cụ PT kết hôn với cụ Lê Thị N, có con chung là bà Ngô Thị Như H. Sau khi cụ PT ra Bắc tập kết, cụ S ở quê nhà đã lập gia đình khác.

[1.2]. Ngày 03/6/2019, cụ Lê Thị L có ý kiến trả lời về việc thụ lý yêu cầu chia di sản thừa kế của bà T, trong đó có nội dung: Cụ đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ PT, cụ yêu cầu kỹ phân thừa kế của cụ được chia và tự nguyện giao cho ông Ngô Ngọc N (con đẻ của cụ L) toàn quyền sở hữu và sử dụng. Ngày 24/7/2019, cụ L có Đơn xin rút yêu cầu, trong đó, nêu: Cụ L với cụ PT có con chung là do quan hệ tình cảm với nhau, nhưng giữa hai cụ không phải là quan hệ vợ chồng; vì vậy cụ L làm văn bản này xin rút yêu cầu khởi kiện chia thừa kế di sản của cụ PT cho cụ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa thụ lý yêu cầu độc lập của cụ L thì cụ L đã có ý kiến rút yêu cầu độc lập. Nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu độc lập này là đúng pháp luật, được quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Như vậy, sau khi cụ PT chết (năm 1997) thì những người thừa kế theo pháp luật của cụ PT gồm có: Bà Ngô Thị T, ông Ngô Ngọc N, cụ Lê Thị N, bà Ngô Thị Như H. Bà T, ông N có yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ PT theo quy định pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu chia thừa kế, thì thấy:

- Tại phiên tòa, bị đơn xác định: Di chúc của cụ PT lập ngày 08/8/1994 là hợp pháp, cụ N không tranh chấp nội dung di chúc cụ PT đã lập. Vì vậy, căn cứ vào lời khai của các đương sự trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định: Năm 1976, cụ PT tạo lập được thửa đất số 1054, diện tích 620 m², tờ bản đồ số 7, xã B, huyện B và tài sản gắn liền trên đất là ngôi nhà cấp 4 C. Ngày 25/12/1997, Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 485487, người đứng tên trong Giấy chứng nhận là cụ Lê Thị N. Năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện B đã thu hồi 157 m² đất, loại đất ở nông thôn tại thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7, xã B theo nội dung Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 để mở rộng Quốc lộ 1. Qua đo đạc thực tế, xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/9/2019, diện tích đất còn lại của thửa đất 1054 là 415,8 m² đất (trong đó có 43 m² đất ở và 372,8 m² đất vườn).

Nên án sơ thẩm xác định di sản là quyền sử dụng đất của cụ PT để lại hiện nay là 415,8m² đất, tại thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7, xã B.

- Tại Quyết định số 3198/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường, hỗ trợ cho hộ cụ Lê Thị N đang sử dụng đất, số tiền 474.809.725 đồng. Trong Bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, đính kèm theo Quyết định số 3198/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 nêu trên có nội dung: Bồi thường diện tích đất bị thu hồi là 78.500.000 đồng, bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc 377.769.725 đồng, cây cối hoa màu, cây lấy gỗ đường kính 10cm đến 30cm

50.000 đồng, các khoản hỗ trợ 18.490.000 đồng gồm: Thưởng tháo dỡ đúng tiến độ 5.000.000 đồng, hỗ trợ ngừng sản xuất tài sản trên đất 2.600.000 đồng, hỗ trợ ổn định đời sống 03 tháng 1.890.000 đồng, hỗ trợ cất sén 9.000.000 đồng.

Như vậy, di sản của cụ PT bị Nhà nước thu hồi và được bồi thường thành tiền là 456.269.725 đồng, gồm 78.500.000 đồng đối với diện tích đất bị thu hồi và 377.769.725 đồng là tiền bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc.

- Đối với giá trị cây cối được bồi thường là 50.000 đồng và các khoản hỗ trợ 18.490.000 đồng, không phải là di sản của cụ PT vì theo quy định tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì chính sách bồi thường hỗ trợ này dành cho người hiện đang ở trên thửa đất.

- Xét về thời hiệu mở thừa kế theo quy định pháp luật: Cụ PT chết năm 1997; ngày 26/3/2019, bà T có đơn khởi kiện. Ngày 26/7/2019, ông N có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập. Căn cứ Điều 623 khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Bộ luật dân sự năm 1995, Pháp lệnh thừa kế năm 1990, Nghị quyết số 02/2016/NQ-HDTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện tranh chấp chia di sản thừa kế của cụ PT còn trong hạn luật định là đúng.

[3]. Xét văn bản di chúc của cụ PT lập ngày 08/8/1994, thấy:

- Ngày 08/8/1994, cụ PT tự viết di chúc và được Ủy ban nhân dân xã B chứng thực ngày 18/8/1994. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2008/DS-ST ngày 29/10/2008 của Tòa án nhân dân huyện B và Bản án dân sự phúc thẩm số 04/2009/DS-PT ngày 14/01/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã tuyên bố di chúc của cụ PT lập ngày 08/8/1994 là hợp pháp, hiện 02 Bản án đang có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn đã xác định di chúc của cụ PT là hợp pháp, bị đơn không tranh chấp nội dung di chúc cụ PT đã lập; bà T là người khởi kiện, ông N là người có yêu cầu độc lập cùng với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1, ông S, ông T tham gia tố tụng trong vụ án tất cả đều thừa nhận di chúc của cụ PT hợp pháp. Trước khi chết, cụ PT không có văn bản nào hủy bỏ, thay thế di chúc này.

- Nội dung Tờ di chúc của cụ PT lập ngày 08/8/1994 có thể hiện “*phải thực hiện đúng theo tờ di chúc của tôi, tuyệt đối không được làm sai trái, về ngôi nhà nói trên bà Lê Thị N được ở... và phụng thờ tôi... về con gái Ngô Thị Như H... khi cha hoặc mẹ qua đời cũng được ở ngôi nhà này, ngày hương khói thờ cha mẹ đúng đạo lý làm con mãi đến khi qua đời con gái... bà Lê Thị N chỉ được ở một đời bà đến khi mất thì thôi. Con gái Ngô Thị Như H chỉ được ở một đời mà thôi... Qua đời con gái thì giao cho Ngô Tấn T1 phụng thờ quản lý,*

huong khói nổi tiếp... Tờ di chúc này tất cả con cháu phải thực hiện đúng và đầy đủ không được thay đổi ý kiến, sửa chữa". Như vậy, theo ý chí của cụ PT tại Di chúc thì cụ N, bà H được ở hết đời cho đến khi cụ N, bà H chết. Hiện nay cụ N, bà H còn sống; trường hợp sau khi cụ N, bà H chết thì di sản của cụ PT được giao cho ông T1, để ông T1 thực hiện nghĩa vụ thờ cúng cụ PT. Căn cứ các Điều 650, 651, 652, 653, 655, 656, 660, 670, 673 Bộ luật dân sự năm 1995, thì đây là quyền của người để lại di sản là cụ PT và nghĩa vụ của người được giao quản lý di sản là cụ N, bà H khi còn sống, sau khi cụ N, bà H chết thì ông T1 phải thực hiện theo ý chí của cụ PT theo di chúc. Án sơ thẩm xác định bản di chúc hợp pháp là đúng.

- Xét lời khai của bà T và ông N về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ PT theo quy định pháp luật, thấy: Ngày 26/3/2019, các ông, bà Ngô Tấn T1, Ngô Thị T, Ngô Văn T, Ngô Văn S, Ngô Ngọc N họp giải quyết di sản của cụ PT theo di chúc ngày 08/8/1994, với nội dung *"từ khi quản lý, sử dụng nhà đất (1997) cho đến nay, bà Lê Thị N và Ngô Thị Như H không thực hiện đúng di nguyện của ông Ngô Tấn PT, như cắt ngôi nhà trên và 360 m² đất chuyển nhượng cho vợ chồng ông Huỳnh Trọng B, bà Trần Thị S vào năm 2007; mặc dù Tòa án có thẩm quyền xét xử, tuyên hủy việc chuyển nhượng nhà đất trái phép... nhưng bà N vẫn tiếp tục để ông B, bà S ở cho đến năm 2017; đến năm 2018, bà N để cho ông Phạm Đình T2, bà Nguyễn Thị T phá dỡ căn nhà thờ, xây dựng trái phép 02 căn nhà trên đất; cũng trong năm 2018, bà N tháo dỡ căn nhà còn lại và tự ý sử dụng khoản tiền Nhà nước bồi thường, hỗ trợ do thu hồi 157 m² đất (474.809.725 đồng) xây dựng nhà kiên cố trên phần đất còn lại... mẹ con bà N không những vi phạm nghĩa vụ của người quản lý di sản thờ cúng... nên chúng tôi quyết định để cho vợ, con của ông Ngô Tấn PT thực hiện việc khởi kiện, chia thừa kế tài sản".* Tuy nhiên, trên thực tế để giao mặt bằng cho chính quyền mở rộng Quốc lộ 1A, cụ N, bà H phải tháo dỡ ngôi nhà của cụ PT xây dựng (BL.151) để giao 157 m² đất cho chính quyền. Đây không phải là hành vi tự ý tháo dỡ nhà, mà thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi để phát triển kinh tế - xã hội. Việc cụ N, bà H chuyển nhượng 360 m² đất cho ông B, bà S đã được Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, Bản án đã có hiệu lực pháp luật, ông B, bà S không còn liên quan đến quyền sử dụng thửa đất. Cụ N, bà H có cho ông T2, bà Thúy thuê mặt bằng để kinh doanh, nhằm có thu nhập sinh sống tuổi già, nhưng việc thờ phụng cụ PT vẫn thực hiện. Án sơ thẩm xác định cụ N, bà H không vi phạm những di nguyện của cụ PT được lập trong di chúc ngày 08/8/1994 là đúng.

- Nội dung di chúc lập ngày 08/8/1994 của cụ PT có thể hiện “*Nếu sau này ngôi nhà này được đến quy hoạch của Nhà nước hoặc ở không được, hoặc nhà nước bồi thường thì phải bàn bạc với Ngô Văn T, Ngô Tấn T1, Ngô Văn S, Ngô Thị T... đi đến thống nhất bàn để xây dựng lại hoàn chỉnh để thờ phụng*”. Năm 2018, cụ N, bà H đã xây dựng lại ngôi nhà sau khi Nhà nước thu hồi đất và bồi thường 456.269.725 đồng. Theo kết quả thẩm định giá thì tổng giá trị vật kiến trúc được xây dựng trên phần đất còn lại là 537.566.410 đồng. Như vậy, giá trị của ngôi nhà được xây dựng nhiều hơn số tiền cụ N, bà H đã nhận bồi thường là 81.296.685 đồng, nên hoàn toàn phù hợp với nội dung di chúc của cụ PT “*Tuyệt đối không được để mất ngôi nhà*”. Án sơ thẩm nhận định và xác định là có căn cứ, đúng pháp luật.

Như vậy, qua nội dung trong di chúc của cụ PT lập ngày 08/8/1994, cho thấy được ý chí của cụ PT không cho phép các con, cháu được quyền chia di sản thừa kế của cụ. Do đó, việc bà T, ông N yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ PT là không có căn cứ, không phù hợp với ý chí của người để lại di sản như án sơ thẩm nhận định là đúng.

[4]. Xét yêu cầu của bà T, ông N yêu cầu ông Phạm Đình T2, bà Lương Thị Thu T phải dỡ 02 ngôi nhà trên thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, bà T, ông N không có căn cứ chứng minh 02 ngôi nhà này thuộc quyền sở hữu của ông T2, bà T. Đồng thời, ông T2, bà T, cụ N, bà H đều khẳng định 02 ngôi nhà này do cụ N, bà H xây dựng sau đó cho ông T2, bà T thuê để dùng vào việc buôn bán.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà T, ông N là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, xét án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Ngọc N là đúng. Nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên án sơ thẩm.

Người kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm không xuất trình thêm chứng cứ nào mới, khác so với án sơ thẩm.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị này phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Kháng cáo của bà Ngô Thị T không được chấp nhận, phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng do bà T là người cao tuổi, áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí để miễn án phí.

Kháng cáo của ông Ngô Ngọc N và các ông Ngô Tấn T1, ông Ngô Văn S, ông Ngô Văn T không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

[7]. Các quyết định khác còn lại của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Ngô Ngọc N; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Tấn T1, ông Ngô Văn S, ông Ngô Văn T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 92, khoản 2 Điều 147, các Điều 157, 165, 201, 238, 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 650, 651, 652, 653, 655, 656, 660, 670, 673 Bộ luật dân sự năm 1995;

Căn cứ Điều 25 Pháp lệnh thừa kế năm 1990;

Căn cứ khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Ngô Thị T và toàn bộ yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Ngô Ngọc N, về việc:

- Yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Ngô Tấn PT là quyền sử dụng thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cho các đồng thừa kế của cụ PT; cụ thể bà Ngô Thị T, ông Ngô Ngọc N mỗi người được nhận 115.75 m² đất và 118.702.431 đồng.

2. Buộc vợ chồng ông Phạm Đình T2, bà Lương Thị Thu T tháo dỡ 02

căn nhà xây dựng trái phép trên diện tích 360 m² tại thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành L 485487, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00886 QSDĐ/668/QĐUB(H) ngày 25/12/1997 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ bà Lê Thị N tại thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 7, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Ngô Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Ngô Ngọc N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004111 ngày 06/01/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Ông N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Ngô Tấn T1, ông Ngô Văn S, ông Ngô Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004116 ngày 09/01/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Các ông Ngô Tấn T1, ông Ngô Văn S, ông Ngô Văn T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác còn lại của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Long